

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 05 – 4 – 2018  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Ca.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thủy; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/HNGĐ – ST, ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T; sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

Nơi cư trú: Xóm 17, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Doãn Văn D; sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

Hiện nay anh Doãn Văn D đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục lao động xã hội số III – Hà Nội (xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội).

Tại phiên tòa: Chị T và anh D vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 02 – 01 – 2018, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Doãn Văn D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy và thường hay chửi bới đánh đập chị và chị cố gắng chịu đựng cho đến đầu năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân. Sau đó anh D đi lao động tại thành phố Hà Nội và vẫn sử dụng ma túy nên đã bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa – thành phố Hà Nội ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện nay anh Doãn Văn D đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục lao động xã hội số III – Hà Nội. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Văn D.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Doãn Đức D; sinh ngày 28/4/2011, hiện nay con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T xin nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản riêng, tài sản chung; công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã:* Chị T trình bày vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/02/2018, bị đơn anh Doãn Văn D trình bày: Anh và chị Trịnh Thị T kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2010 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn, chị T về gia đình anh làm dâu ngay, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghiện ma túy và hay đánh vợ. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã có nhờ gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Doãn Đức D; sinh ngày 28/4/2011, hiện nay con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh xin nhận nuôi con và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc theo quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân quận Đống Đa – thành phố Hà Nội, thời hạn 15 tháng, bắt đầu từ ngày 20/6/2017. Nếu trường hợp Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng mà anh chưa cai nghiện xong, anh sẽ nhờ gia đình trông nom chăm sóc hộ anh

Về tài sản riêng, tài sản chung; công sức, công nợ và ruộng khoán của hợp tác xã: Anh D trình bày vợ chồng không có gì liên quan, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên Tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Chị T và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp các quy định của pháp luật nên tiếp tục xét xử vụ án. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 8, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của UBTVQH khóa12 về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Doãn Văn D; Giao con cho chị Trịnh Thị T nuôi dưỡng. Về tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Trịnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Doãn Văn D; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã G, huyện G, tỉnh N; Hiện nay anh Doãn Văn D đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục lao động xã hội số III – Hà Nội (xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Chị T và anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Doãn Văn D tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy và hay đánh vợ. Mặc dù hai bên gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Từ ngày 20/6/2017 anh Doãn Văn D chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc theo quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân quận Đống Đa – thành phố Hà Nội, thời hạn 15 tháng, tại Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục lao động xã hội số III – Hà Nội (xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Nay chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Văn D. Anh D cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, nên chấp nhận nguyện vọng của chị T xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Doãn Đức D; sinh ngày 28/4/2011, hiện nay con chung đang ở với chị T. Chị T và anh D đều có nguyện vọng xin nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hiện tại con chung đang ở với chị T, hiện nay anh D đang tập trung cai nghiện ma túy bắt buộc. Vì vậy nay cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với thực tế và phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung khi có điều kiện.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: Hai đương sự chị T, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của UBTVQH khóa12 về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 8, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của UBTVQH khóa12 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Doãn Văn D.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi con chung là Doãn Đức D; sinh ngày 28/4/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; anh Doãn Văn D không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 07747 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Văn Ca**